301/QĐ-SGDĐT 13/06/2022 17:04:39

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 6
TRƯỜNG THCS VÀ THPT LIÊN VIỆT KON TUM, NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm kiểm tra môn			Tổng điểm	Ghi chú
								Toán	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	010004	Đồng Vũ Trâm	Anh	Nữ	15/09/2011	Kinh	Kon Tum	5,50	5,75	7,30	**18,55**	
2	010006	Lê Ngọc Kim	Anh	Nữ	07/07/2011	Kinh	Kon Tum	5,00	7,25	6,00	**18,25**	
3	010008	Nguyễn Ngọc Hiền	Anh	Nữ	19/11/2011	Kinh	Kon Tum	5,00	8,00	6,00	**19,00**	
4	010009	Nguyễn Thùy	Anh	Nữ	06/06/2011	Kinh	Gia Lai	9,75	8,75	8,75	**27,25**	
5	010013	Vũ Nam	Anh	Nam	04/11/2011	Kinh	Kon Tum	4,75	7,75	7,75	**20,25**	
6	010014	Nguyễn Huỳnh Thiên	Ân	Nam	22/09/2011	Kinh	Kon Tum	10,00	8,25	7,10	**25,35**	
7	010015	Trương Ngọc	Ánh	Nữ	14/04/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	7,25	8,20	**21,95**	
8	010016	Hoàng Gia	Bảo	Nam	23/06/2011	Kinh	Kon Tum	9,25	9,50	8,70	**27,45**	
9	010017	Huỳnh Nguyên	Bảo	Nam	28/09/2011	Kinh	Kon Tum	9,25	8,75	7,75	**25,75**	
10	010023	Trần Huỳnh Thiên	Bảo	Nam	31/10/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	7,25	8,25	**23,50**	
11	010025	Diệp Phạm Gia	Bình	Nam	27/08/2011	Kinh	Kon Tum	4,75	7,75	5,75	**18,25**	
12	010027	Nguyễn Phúc Đăng	Bình	Nam	15/05/2011	Kinh	Kon Tum	8,25	8,00	8,00	**24,25**	
13	010031	Lê Huỳnh Bảo	Châu	Nữ	01/07/2011	Kinh	Kon Tum	6,25	7,00	7,75	**21,00**	
14	010033	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Chi	Nữ	15/12/2011	Kinh	Kon Tum	5,75	5,50	7,95	**19,20**	
15	010035	Trương Nguyễn Khánh	Chi	Nữ	03/04/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	9,50	7,75	**23,75**	
16	010036	Lê Thành	Danh	Nam	09/12/2011	Kinh	Kon Tum	9,75	8,25	7,00	**25,00**	
17	010039	Ngô Thị Ngọc	Diệp	Nữ	16/06/2011	Kinh	Kon Tum	7,50	8,50	7,25	**23,25**	
18	010042	Đặng Khánh	Duy	Nam	26/08/2011	Kinh	Kon Tum	4,50	6,50	7,60	**18,60**	
19	010043	Lê Bảo	Duy	Nam	25/06/2011	Kinh	Kon Tum	7,50	8,75	7,95	**24,20**	

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm kiểm tra môn			Tổng điểm	Ghi chú
								Toán	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
20	010045	Phan Hải Bảo	Duy	Nam	16/07/2011	Kinh	Kon Tum	8,25	7,00	7,45	**22,70**	
21	010046	Võ Văn Khánh	Duy	Nam	15/08/2011	Kinh	Quảng Trị	7,00	9,25	7,50	**23,75**	
22	010048	Diệp Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	11/10/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	8,75	7,45	**22,70**	
23	010050	Đỗ Trần Đan	Dương	Nữ	07/09/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	7,75	6,85	**20,60**	
24	010051	Lê Thủy Hải	Dương	Nữ	06/04/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	8,25	3,95	**18,70**	
25	010052	Nguyễn Phan Ánh	Dương	Nữ	23/09/2011	Kinh	Kon Tum	7,75	9,25	8,45	**25,45**	
26	010053	Nguyễn Xuân	Dương	Nam	30/01/2011	Kinh	Kon Tum	4,75	8,50	8,70	**21,95**	
27	010055	Nguyễn Kỳ Linh	Đan	Nữ	20/08/2011	Kinh	Kon Tum	4,75	5,25	9,00	**19,00**	
28	010057	Nguyễn Trần Lê	Đan	Nữ	11/03/2011	Kinh	Kon Tum	3,75	8,50	7,65	**19,90**	
29	010059	Lê Hải	Đăng	Nam	21/07/2011	Kinh	Kon Tum	6,25	7,75	7,40	**21,40**	
30	010060	Phạm Xuân	Đại	Nam	19/07/2011	Kinh	Kon Tum	7,00	7,00	5,60	**19,60**	
31	010063	Nguyễn Phùng Trí	Đức	Nam	08/02/2011	Kinh	Kon Tum	7,50	7,75	8,15	**23,40**	
32	010067	Lê Hoàng	Gia	Nam	12/10/2011	Xê Đăng	Kon Tum	5,75	7,25	7,85	**20,85**	
33	010068	Lương Hoàng	Gia	Nam	06/05/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	7,50	6,65	**20,15**	
34	010070	Trịnh Ngân	Giang	Nữ	25/10/2011	Kinh	Kon Tum	8,50	9,00	8,65	**26,15**	
35	010073	Hoàng Gia	Hân	Nữ	05/03/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	9,00	8,50	**24,00**	
36	010074	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	10/03/2011	Kinh	Kon Tum	8,75	6,75	5,95	**21,45**	
37	010077	Lê Khánh	Hà	Nữ	30/03/2011	Kinh	Kon Tum	7,75	9,50	8,75	**26,00**	
38	010078	Lê Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	23/05/2011	Kinh	Kon Tum	8,75	7,75	8,90	**25,40**	
39	010079	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	05/03/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	7,25	6,90	**22,15**	
40	010080	Phạm Thị Ngọc	Hà	Nữ	14/09/2011	Kinh	Kon Tum	6,75	7,50	7,05	**21,30**	
41	010082	Lê Minh	Hải	Nam	11/06/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	8,25	6,85	**23,10**	
42	010083	Đặng Trần Nguyên	Hạnh	Nữ	20/09/2011	Kinh	Kon Tum	4,75	7,25	8,45	**20,45**	

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm kiểm tra môn			Tổng điểm	Ghi chú
								Toán	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
43	010084	Dương Thuận	Hiền	Nữ	23/10/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	7,25	6,20	**20,70**	
44	010085	Hồ Thu	Hiền	Nữ	12/02/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	5,00	7,60	**20,60**	
45	010086	Lê Thị Minh	Hiền	Nữ	01/04/2011	Kinh	Kon Tum	4,75	8,50	7,35	**20,60**	
46	010089	Ngô Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	09/03/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	7,50	5,00	**19,00**	
47	010090	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	04/11/2011	Kinh	Kon Tum	8,25	7,00	9,90	**25,15**	
48	010091	Trương Minh	Hiếu	Nam	21/06/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	7,50	7,25	**21,25**	
49	010093	Nguyễn Trần Minh	Hoàng	Nam	13/02/2011	Kinh	Kon Tum	7,50	6,00	7,50	**21,00**	
50	010094	Phạm Huy	Hoàng	Nam	20/06/2011	Kinh	Kon Tum	5,00	6,50	7,90	**19,40**	
51	010095	Phạm Mai	Hoàng	Nữ	07/09/2011	Kinh	Kon Tum	5,00	9,00	7,90	**21,90**	
52	010096	Lương Duyên	Hùng	Nam	19/03/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	8,75	7,90	**23,15**	
53	010100	Lê Danh	Huy	Nam	22/04/2011	Kinh	Kon Tum	8,25	7,50	9,25	**25,00**	
54	010101	Lê Ngọc Gia	Huy	Nam	12/11/2011	Kinh	Kon Tum	9,25	8,50	8,25	**26,00**	
55	010103	Lương Bảo	Huy	Nam	24/03/2011	Kinh	TP. Hà Nội	9,50	9,25	7,95	**26,70**	
56	010104	Mai Gia	Huy	Nam	12/06/2011	Kinh	Bình Định	7,75	7,50	5,50	**20,75**	
57	010106	Nguyễn Gia	Huy	Nam	28/05/2011	Kinh	Kon Tum	8,25	8,75	8,75	**25,75**	
58	010109	Trương Khánh	Huyền	Nữ	21/02/2011	Kinh	Kon Tum	10,00	9,50	10,00	**29,50**	
59	010112	Trịnh Gia	Hưng	Nam	09/09/2011	Kinh	Kon Tum	4,00	8,50	6,70	**19,20**	
60	010113	Trần Thiên	Hương	Nữ	10/11/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	7,25	6,45	**19,70**	
61	010115	Đặng Nhật	Khang	Nam	01/10/2011	Kinh	Gia Lai	8,00	7,75	7,50	**23,25**	
62	010117	Hồ Văn	Khang	Nam	01/08/2011	Kinh	Kon Tum	7,50	8,00	8,25	**23,75**	
63	010119	Lưu Nguyên	Khang	Nam	19/12/2011	Kinh	Kon Tum	7,50	8,50	7,20	**23,20**	
64	010120	Nguyễn Duy	Khang	Nam	29/08/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	6,50	8,00	**22,50**	
65	010121	Nguyễn Lâm	Khang	Nam	07/09/2011	Kinh	Kon Tum	7,50	8,25	6,75	**22,50**	

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm kiểm tra môn			Tổng điểm	Ghi chú
								Toán	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
66	010123	Phùng Mạnh	Khang	Nam	11/05/2011	Kinh	Kon Tum	9,00	9,25	7,50	**25,75**	
67	010125	Trần Minh	Khang	Nam	08/12/2011	Kinh	Phú Yên	6,00	8,75	6,75	**21,50**	
68	010126	Trần Bảo	Khanh	Nam	03/12/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	8,75	9,00	**25,75**	
69	010129	Cao Kim	Khánh	Nữ	11/10/2011	Kinh	Kon Tum	5,50	7,75	8,00	**21,25**	
70	010130	Đoàn Hà Mai	Khánh	Nữ	12/11/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	8,25	7,75	**22,50**	
71	010131	Lê Minh	Khánh	Nam	23/10/2011	Kinh	Kon Tum	8,25	7,00	6,25	**21,50**	
72	010132	Mai Quốc	Khánh	Nam	25/01/2011	Kinh	Kon Tum	7,50	8,75	7,10	**23,35**	
73	010133	Nguyễn Thái Nhật	Khánh	Nữ	04/09/2011	Kinh	Kon Tum	3,25	8,50	8,50	**20,25**	
74	010134	Nguyễn Vân	Khánh	Nữ	19/11/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	8,00	8,50	**22,50**	
75	010135	Nguyễn Võ Kim	Khánh	Nữ	12/03/2011	Kinh	Kon Tum	6,25	8,50	6,95	**21,70**	
76	010137	Phạm Gia	Khiêm	Nam	12/11/2011	Kinh	Kon Tum	6,75	8,25	8,70	**23,70**	
77	010140	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	14/04/2011	Kinh	Quảng Nam	9,75	6,50	7,00	**23,25**	
78	010141	Phạm Tấn	Khoa	Nam	24/11/2011	Kinh	Kon Tum	10,00	8,50	6,05	**24,55**	
79	010142	Đinh Tuấn	Khôi	Nam	03/08/2011	Cadong	Kon Tum	3,75	7,50	6,95	**18,20**	
80	010143	Nguyễn Gia	Khôi	Nam	19/03/2011	Kinh	Kon Tum	7,00	7,00	4,45	**18,45**	
81	010146	Lê Phạm Trung	Kiên	Nam	11/10/2011	Kinh	Kon Tum	5,50	7,50	6,60	**19,60**	
82	010147	Tạ Trung	Kiên	Nam	12/06/2011	Kinh	Gia Lai	6,75	8,25	7,90	**22,90**	
83	010149	Đặng Ngọc Dịu	Kim	Nữ	01/09/2011	Kinh	Kon Tum	4,50	7,00	8,30	**19,80**	
84	010151	Nguyễn Triệu Bảo	Kỳ	Nữ	06/03/2011	Kinh	Kon Tum	5,50	7,25	7,00	**19,75**	
85	010152	Hồ Hoàng	Lan	Nữ	19/03/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	9,25	7,35	**22,60**	
86	010153	Lại Khánh	Lam	Nữ	17/10/2011	Kinh	Kon Tum	4,75	8,00	7,40	**20,15**	
87	010154	Nguyễn Hà Tường	Lam	Nữ	26/06/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	8,00	9,00	**23,00**	
88	010155	Trịnh Ngọc	Lan	Nữ	20/11/2011	Kinh	Bình Định	7,25	8,50	6,75	**22,50**	

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm kiểm tra môn			Tổng điểm	Ghi chú
								Toán	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
89	010156	Mai Xuân Bảo	Lâm	Nam	15/03/2011	Kinh	Bình Định	7,25	8,50	9,00	**24,75**	
90	010157	Us Thùy	Lâm	Nữ	12/07/2011	Tơ-đra	Kon Tum	3,75	7,75	8,00	**19,50**	
91	010159	Y Pha	Lê	Nữ	08/08/2011	Bahnar	Kon Tum	4,75	8,00	6,40	**19,15**	
92	010161	Bùi Khánh	Linh	Nữ	22/04/2011	Kinh	Kon Tum	8,25	8,50	7,75	**24,50**	
93	010162	Cao Hà	Linh	Nữ	21/2/2011	Kinh	Kon Tum	10,00	7,00	8,30	**25,30**	
94	010163	Châu Phương	Linh	Nữ	01/04/2011	Kinh	Kon Tum	6,25	9,50	8,50	**24,25**	
95	010166	Nguyễn Trung Hà	Linh	Nữ	28/02/2011	Kinh	Kon Tum	5,25	7,75	7,70	**20,70**	
96	010167	Nguyễn Văn Nhật	Linh	Nam	19/01/2011	Kinh	Kon Tum	6,25	8,25	8,50	**23,00**	
97	010168	Võ Thị Khánh	Linh	Nữ	28/09/2011	Kinh	Kon Tum	5,00	6,75	6,60	**18,35**	
98	010172	Đỗ Hoàng	Mai	Nữ	03/01/2011	Kinh	Kon Tum	9,25	9,25	8,20	**26,70**	
99	010173	Phạm Thị Thanh	Mai	Nữ	15/11/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	8,75	7,95	**22,70**	
100	010174	Dương Hà	Minh	Nam	17/09/2011	Kinh	Kon Tum	4,25	8,25	5,80	**18,30**	
101	010175	Hoàng Nhật	Minh	Nam	05/07/2011	Kinh	Quảng Ngãi	7,50	8,50	8,00	**24,00**	
102	010177	Lê Quang Nhật	Minh	Nam	10/06/2011	Kinh	Kon Tum	8,75	7,25	6,00	**22,00**	
103	010178	Nguyễn Huỳnh Bảo	Minh	Nam	24/02/2010	Kinh	Quảng Ngãi	9,50	9,00	9,25	**27,75**	
104	010179	Trần Quang	Minh	Nam	25/10/2011	Xê Đăng	Gia Lai	7,50	7,50	7,70	**22,70**	
105	010182	Nguyễn Trà	My	Nữ	01/06/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	8,25	7,00	**21,25**	
106	010183	Nguyễn Trần Diễm	My	Nữ	19/06/2011	Kinh	Kon Tum	3,75	7,75	7,40	**18,90**	
107	010184	Phạm Hà	My	Nữ	29/07/2011	Kinh	Kon Tum	5,00	7,50	6,70	**19,20**	
108	010186	Thái Trà	My	Nữ	16/12/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	7,00	8,15	**21,65**	
109	010188	Nguyễn Thành	Nam	Nam	09/04/2011	Kinh	Kon Tum	8,50	5,25	7,50	**21,25**	
110	010190	Phạm Xuân	Nam	Nam	19/10/2011	Kinh	Kon Tum	7,00	7,00	7,55	**21,55**	
111	010194	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	13/07/2011	Kinh	Đắk Lắk	7,75	9,00	7,00	**23,75**	

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm kiểm tra môn			Tổng điểm	Ghi chú
								Toán	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
112	010196	Trần Nguyễn Thiên	Ngân	Nữ	30/04/2011	Kinh	Kon Tum	5,25	9,00	8,00	**22,25**	
113	010199	Đàn Trần Bảo	Ngọc	Nữ	21/05/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	7,50	7,15	**21,90**	
114	010202	Ngô Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	02/01/2011	Kinh	Thừa Thiên Huế	7,25	8,25	8,00	**23,50**	
115	010203	Nguyễn Ánh	Ngọc	Nữ	26/04/2011	Kinh	Kon Tum	5,75	7,75	7,75	**21,25**	
116	010207	Đặng Bảo	Nguyên	Nam	18/07/2011	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	7,00	8,75	6,00	**21,75**	
117	010209	La Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	08/07/2011	Tày	Kon Tum	3,00	9,00	9,10	**21,10**	
118	010210	Lê Khả	Nguyên	Nam	05/11/2011	Kinh	Quảng Nam	7,25	7,00	6,00	**20,25**	
119	010214	Nguyễn Phúc Minh	Nguyên	Nam	18/02/2011	Kinh	Kon Tum	5,75	8,00	4,75	**18,50**	
120	010216	Phạm Nguyễn Duy	Nguyên	Nam	25/11/2011	Kinh	Thừa Thiên Huế	6,25	7,50	9,10	**22,85**	
121	010219	Nguyễn Cao Thiện	Nhân	Nam	25/02/2011	Kinh	Kon Tum	7,75	8,50	7,75	**24,00**	
122	010221	Lê Minh	Nhật	Nam	05/06/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	8,50	6,75	**21,75**	
123	010223	Phạm Minh	Nhật	Nam	14/02/2011	Kinh	Kon Tum	7,50	8,25	8,15	**23,90**	
124	010224	Đặng Trần Bảo	Nhi	Nữ	07/04/2011	Kinh	Kon Tum	9,25	8,75	9,40	**27,40**	
125	010228	Hồ Ngọc An	Nhiên	Nữ	24/07/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	6,75	8,90	**21,65**	
126	010229	Trần Ngọc An	Nhiên	Nữ	10/02/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	9,00	7,90	**24,15**	
127	010230	Đoàn Quỳnh	Như	Nữ	25/09/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	8,25	7,15	**22,65**	
128	010232	Lê Ngọc Bảo	Như	Nữ	27/06/2011	Kinh	Kon Tum	6,75	8,50	7,20	**22,45**	
129	010233	Ngô Trương Quỳnh	Như	Nữ	13/09/2011	Kinh	Thừa Thiên Huế	7,75	6,00	8,00	**21,75**	
130	010234	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	23/02/2011	Kinh	Kon Tum	7,75	7,75	7,50	**23,00**	
131	010235	Nguyễn Phạm Diễm	Như	Nữ	20/04/2011	Kinh	Kon Tum	5,00	8,25	6,25	**19,50**	
132	010236	Nguyễn Thị Gia	Như	Nữ	28/02/2011	Kinh	Hà Tĩnh	5,25	7,00	6,35	**18,60**	
133	010237	Trần Mỹ	Nương	Nữ	03/08/2011	Kinh	Kon Tum	7,75	7,00	4,75	**19,50**	
134	010238	Nguyễn Đan	Ny	Nữ	11/05/2011	Kinh	Kon Tum	8,50	8,50	7,00	**24,00**	

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm kiểm tra môn			Tổng điểm	Ghi chú
								Toán	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
135	010239	Bùi Kiến	Phát	Nam	16/10/2011	Kinh	Bình Định	6,25	7,50	5,25	**19,00**	
136	010240	Lê Thanh	Phong	Nam	14/02/2011	Kinh	Kon Tum	7,75	7,50	8,00	**23,25**	
137	010242	Nguyễn Dương Hoài	Phong	Nam	26/08/2011	Kinh	Kon Tum	6,25	7,25	7,10	**20,60**	
138	010243	Nguyễn Nam	Phong	Nam	14/03/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	7,00	5,35	**19,60**	
139	010244	Mai Minh	Phú	Nam	16/06/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	8,25	7,95	**24,20**	
140	010247	Đoàn Thiên	Phúc	Nam	26/04/2011	Kinh	Kon Tum	7,00	8,00	7,95	**22,95**	
141	010248	Ngô Vũ Hồng	Phúc	Nam	22/11/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	8,00	7,25	**22,50**	
142	010251	Nguyễn Huỳnh Nam	Phương	Nữ	25/02/2011	Kinh	Kon Tum	5,50	7,00	5,75	**18,25**	
143	010252	Nguyễn Duy Phú	Quang	Nam	14/10/2011	Kinh	Kon Tum	9,75	7,50	7,95	**25,20**	
144	010253	Hoàng Minh	Quân	Nam	27/02/2011	Kinh	Kon Tum	7,00	6,75	6,90	**20,65**	
145	010254	Lê Minh	Quân	Nam	31/07/2011	Kinh	Kon Tum	4,00	7,25	7,20	**18,45**	
146	010255	Nguyễn Anh	Quân	Nam	25/02/2011	Kinh	TP. Đà Nẵng	5,75	7,25	6,35	**19,35**	
147	010256	Trần Hoàng	Quân	Nam	10/01/2011	Kinh	Kon Tum	9,00	8,25	8,75	**26,00**	
148	010263	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	21/09/2011	Kinh	Gia Lai	9,50	8,50	6,70	**24,70**	
149	010268	Vũ Minh	Sang	Nam	28/04/2011	Kinh	Kon Tum	7,00	9,00	6,20	**22,20**	
150	010270	Trần Đức	Tân	Nam	20/07/2011	Kinh	Kon Tum	9,25	8,25	9,45	**26,95**	
151	010271	Nguyễn Duy	Thanh	Nam	14/03/2011	Kinh	Kon Tum	10,00	8,25	8,75	**27,00**	
152	010272	Trương Phạm Hoàng	Thanh	Nữ	21/10/2011	Kinh	Kon Tum	7,75	8,25	8,50	**24,50**	
153	010273	Bùi Gia	Thành	Nam	29/03/2011	Mường	Quảng Ngãi	7,50	7,75	7,40	**22,65**	
154	010275	Ngô Phú	Thành	Nam	14/04/2011	Kinh	Kon Tum	8,75	7,75	7,45	**23,95**	
155	010277	Nguyễn Hiền	Thảo	Nữ	20/08/2011	Kinh	Kon Tum	5,50	8,00	8,95	**22,45**	
156	010278	Phan Thanh	Thảo	Nữ	03/05/2011	Kinh	Kon Tum	9,00	6,75	8,50	**24,25**	
157	010284	Châu Ngọc Ái	Như	Nữ	19/11/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	7,00	8,20	**22,45**	

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm kiểm tra môn			Tổng điểm	Ghi chú
								Toán	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
158	010285	Hoàng Anh	Thư	Nữ	12/05/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	8,50	8,20	**23,95**	
159	010287	Lê Nguyễn Hoàng	Thư	Nữ	24/10/2011	Kinh	Kon Tum	5,75	8,00	5,55	**19,30**	
160	010290	Văn Nguyễn Anh	Thư	Nữ	07/07/2011	Kinh	Kon Tum	5,25	8,25	8,20	**21,70**	
161	010291	Đặng Nhã Hoài	Thương	Nữ	25/02/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	6,00	7,25	**19,75**	
162	010293	Nguyễn Trần Nguyệt	Thương	Nữ	18/06/2011	Kinh	Gia Lai	5,00	7,25	7,00	**19,25**	
163	010295	Phạm Bảo	Thy	Nữ	04/05/2011	Kinh	Kon Tum	9,25	9,00	6,70	**24,95**	
164	010296	Trần Nguyễn Bảo	Thy	Nữ	08/11/2011	Kinh	Kon Tum	6,00	7,75	6,75	**20,50**	
165	010297	Chu Thủy	Tiên	Nữ	12/05/2011	Kinh	Kon Tum	6,75	6,75	7,25	**20,75**	
166	010299	Hoàng Vũ Phượng	Trang	Nữ	08/01/2011	Kinh	Kon Tum	3,00	9,50	8,10	**20,60**	
167	010300	Trần Thị Phương	Trang	Nữ	04/04/2011	Kinh	Kon Tum	5,75	7,75	7,75	**21,25**	
168	010301	Nguyễn Lâm Bảo	Trâm	Nữ	22/10/2011	Kinh	Kon Tum	4,50	8,75	6,30	**19,55**	
169	010302	Hoàng Ngọc Bảo	Trân	Nữ	14/03/2011	Kinh	Bình Định	4,75	8,00	8,50	**21,25**	
170	010303	Hồ Ngọc Bảo	Trân	Nữ	29/03/2011	Kinh	Kon Tum	8,25	9,00	7,80	**25,05**	
171	010305	Nguyễn Doãn Bảo	Trân	Nữ	01/01/2011	Kinh	Lâm Đồng	4,25	8,75	5,75	**18,75**	
172	010306	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	10/12/2011	Kinh	Kon Tum	5,75	8,25	7,15	**21,15**	
173	010309	Lê Thanh	Trà	Nam	14/03/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	7,25	5,20	**20,45**	
174	010310	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23/02/2011	Kinh	Kon Tum	4,50	7,50	6,45	**18,45**	
175	010311	Võ Minh	Trí	Nam	28/03/2011	Kinh	Kon Tum	9,50	8,75	7,75	**26,00**	
176	010312	Lê Nguyễn	Triết	Nam	14/06/2011	Kinh	Kon Tum	7,00	6,00	7,70	**20,70**	
177	010313	Lê Trần Phương	Trinh	Nữ	03/08/2011	Kinh	Bình Định	4,25	8,25	8,55	**21,05**	
178	010314	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	27/06/2011	Kinh	Kon Tum	6,25	7,75	7,10	**21,10**	
179	010315	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24/01/2011	Kinh	Kon Tum	6,75	8,00	7,25	**22,00**	
180	010316	Vũ Ngọc Thủy	Trúc	Nữ	08/03/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	7,25	5,65	**20,15**	

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm kiểm tra môn			Tổng điểm	Ghi chú
								Toán	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
181	010317	Đặng Thành	Trung	Nam	20/09/2011	Kinh	Bình Định	8,25	6,50	9,25	**24,00**	
182	010320	Trương Ngọc Thanh	Tú	Nữ	11/06/2011	Kinh	Kon Tum	4,50	7,00	6,75	**18,25**	
183	010323	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	03/08/2011	Kinh	Kon Tum	7,25	7,75	7,25	**22,25**	
184	010324	Phạm Minh	Tuấn	Nam	26/11/2011	Thái	Kon Tum	8,50	8,50	7,95	**24,95**	
185	010325	Trần Văn	Tuấn	Nam	25/03/2011	Kinh	Kon Tum	6,25	7,75	7,85	**21,85**	
186	010326	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	11/07/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	5,50	5,25	**18,75**	
187	010327	Nguyễn Trung	Tường	Nam	14/06/2011	Kinh	Kon Tum	7,00	9,00	5,95	**21,95**	
188	010328	Phạm Duy	Tường	Nam	27/04/2011	Kinh	Kon Tum	8,00	7,25	5,40	**20,65**	
189	010330	Lê Ngọc Bảo	Uyên	Nữ	19/12/2011	Kinh	Kon Tum	6,50	6,50	7,50	**20,50**	
190	010332	Nguyễn Nhã	Uyên	Nữ	22/11/2011	Kinh	Bình Định	8,25	8,25	8,15	**24,65**	
191	010333	Trần Trịnh Phương	Uyên	Nữ	30/08/2011	Kinh	Kon Tum	4,50	7,25	7,00	**18,75**	
192	010336	Nguyễn Luân	Vũ	Nam	12/09/2011	Kinh	Kon Tum	5,00	8,00	8,95	**21,95**	
193	010339	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	Nữ	19/06/2011	Kinh	Kon Tum	5,75	8,00	6,20	**19,95**	
194	010342	Trần Thảo	Vy	Nữ	04/07/2011	Kinh	Đắk Lắk	7,50	7,75	6,85	**22,10**	
195	010344	Võ Trần Phương	Vy	Nữ	29/04/2011	Kinh	Kon Tum	3,25	7,00	7,95	**18,20**	
196	010345	Nguyễn Thanh	Xuân	Nữ	29/11/2011	Kinh	Bình Định	3,00	8,00	7,50	**18,50**	
197	010348	Nguyễn Bảo	Yên	Nữ	10/12/2011	Kinh	Thừa Thiên Huế	6,25	6,75	8,70	**21,70**	
198	010349	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	25/06/2011	Kinh	Kon Tum	5,25	6,75	6,60	**18,60**	

Danh sách gồm có 198 học sinh ./.